

ĐƠN VỊ TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY
Chương: 622 Loại 070 Khoản 073

DỰ TOÁN THU - CHI GIẢM NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG (ĐỢT 2) NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số: /QĐ- THCSHTT ngày .../.../2021 của trường THCS Hồng Thái Tây

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
01	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
02	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
03	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	(19.000.000)
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
01	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
02	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
03	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	(19.000.000)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(19.000.000)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
04	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy

ĐƠN VỊ TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 Loại 070 Khoản 073

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 07 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách số 182/QĐ-PGD ngày 24/12/2020 của phòng giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều

Trường THCS Hồng Thái Tây công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý II năm 2021	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	99.000.000	105.365.076	106,429	
I	Số thu phí, lệ phí	99.000.000	105.365.076	106,429	
1	Học phí	99.000.000	105.365.076	106,429	
	Chi thanh toán cho cá nhân	51.000.000		-	
	Mục 6000: Tiền lương	39.000.000		-	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	12.000.000		-	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	48.000.000		-	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	48.000.000		-	
	Mục 6299: tiền nước				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	99.000.000	46.805.587	47,278	
1	Học phí	99.000.000	46.805.587	47,278	
	Chi thanh toán cho cá nhân	51.000.000	36.512.787	71,594	
	Mục 6000: Tiền lương	39.000.000		-	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	12.000.000	32.474.887	270,624	
	Mục 6449: Thanh toán khác cho cá nhân		4.037.900		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	48.000.000	10.292.800	21,443	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	48.000.000	9.542.800	19,881	
	Mục 6299: tiền nước				
	Mục 7049: Chi khác		750.000		

III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	<u>Nguồn ngân sách trong nước</u>	<u>3.247.000.000</u>	<u>1.566.518.128</u>	<u>48</u>	<u>224</u>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.247.000.000	1.566.518.128	48	207
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2.713.000.000</u>	<u>1.214.659.792</u>	<u>45</u>	<u>203</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1.449.200.000	655.924.077	45	201
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	-	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	685.800.000	369.207.524	54	207
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.000.000	-	-	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	4.000.000	2.100.000	53	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	564.000.000	186.712.991	33	202
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	715.200		75
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>529.000.000</u>	<u>341.164.336</u>	<u>64</u>	<u>231</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	90.000.000	69.232.136	77	208
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	50.000.000	43.745.000	87	205
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	43.000.000	15.313.200	36	127
	Mục 6650: Hội nghị	16.000.000	-	-	
	Mục 6700: Công tác phí	30.000.000	6.000.000	20	132
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80.000.000	47.714.000	60	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	120.000.000	88.230.000	74	444
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50.000.000	21.110.000	42	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	40.000.000	44.220.000	111	92
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	5.600.000	-	65
	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>5.000.000</u>	<u>10.694.000</u>	<u>214</u>	<u>103</u>
	Mục 7750: Chi khác	5.000.000	10.694.000	214	103
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	-			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	-	-	-	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy